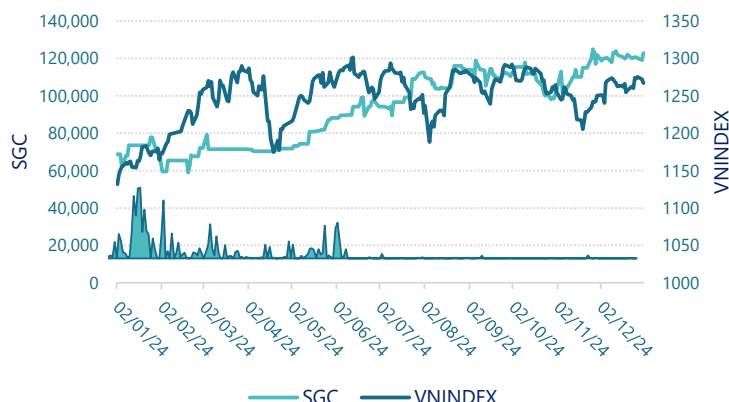


CTCP Xuất nhập khẩu Sa Giang (HNX: SGC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	122,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	124,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	58,984
SL cổ phiếu LH	7,147,580
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,990
% sở hữu nước ngoài	1.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	878
P/E	8.8
EPS	14,033

DT thuần

Q4/24

187

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.0 | 9.9%

YoY: ▲ 37.0 | 24.5%

LN sau thuế

Q4/24

17.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 1.80 | -9.2%

YoY: ▼ 3.80 | -17.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

16.9%

+/- YoY: ▲ 3.2%

DT thuần

2024

708

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 253 | 55.6%

LN sau thuế

2024

100

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 48.6 | 95.0%

ROE

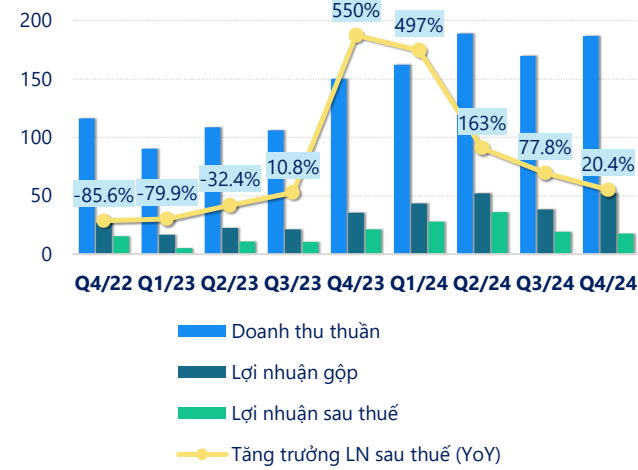
2024

33.5%

+/- YoY: ▲ 11.3%

tỷ VNĐ

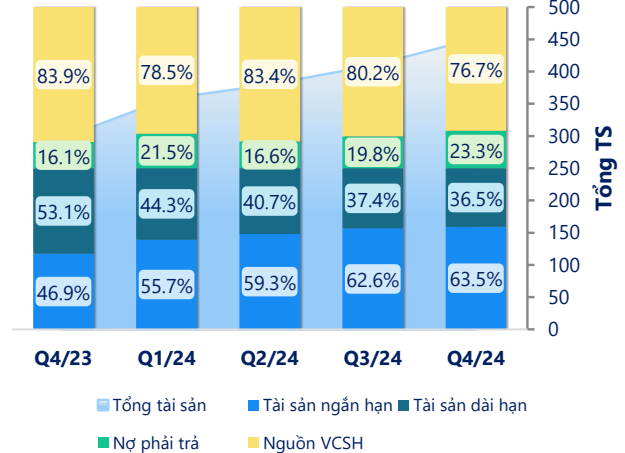
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

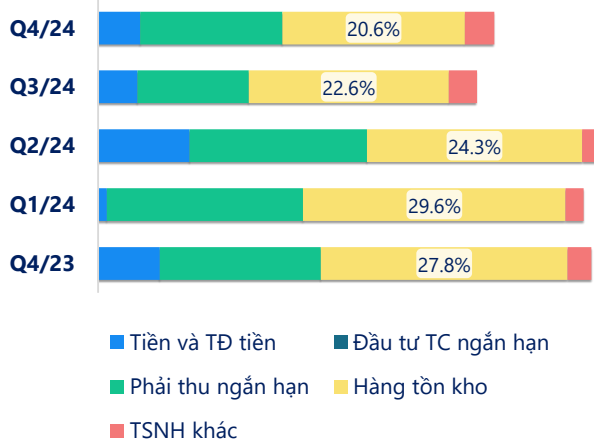
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



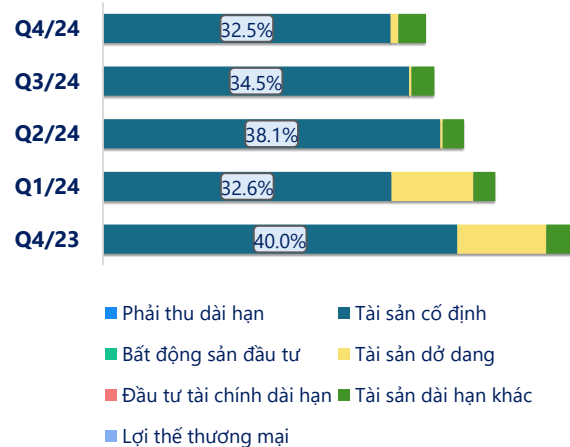
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

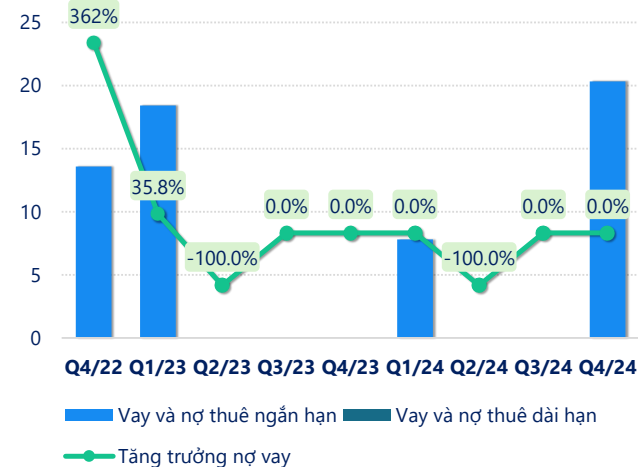
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

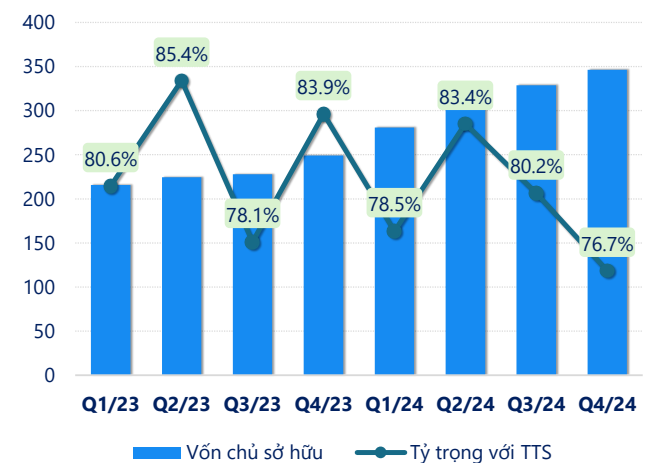
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

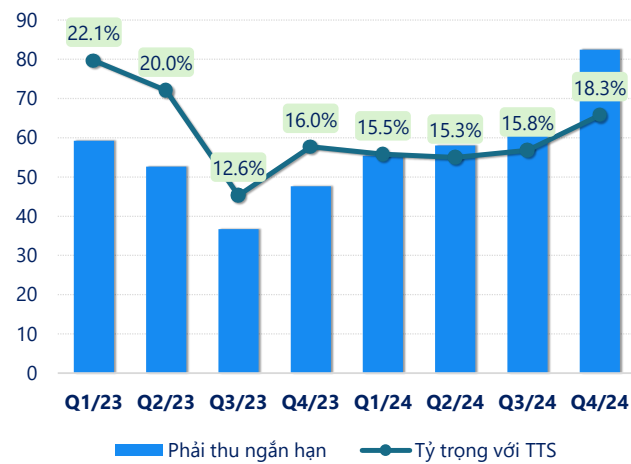
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



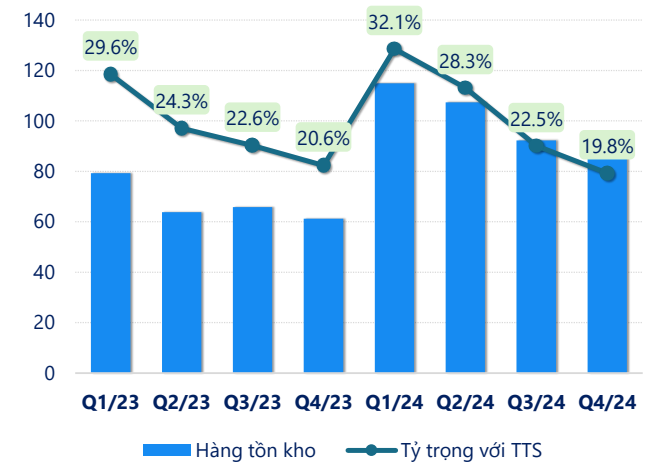
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


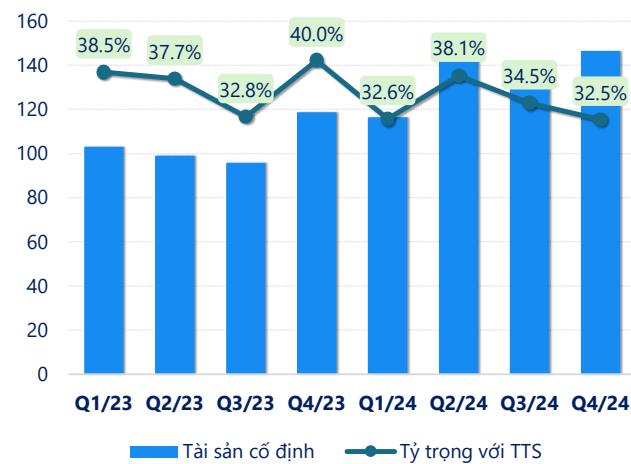
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


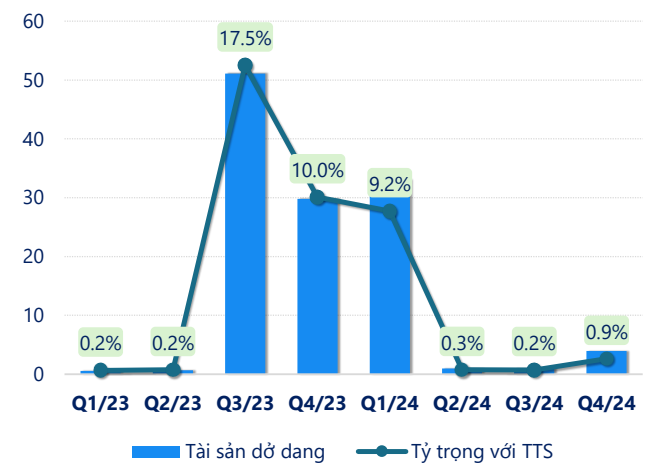
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

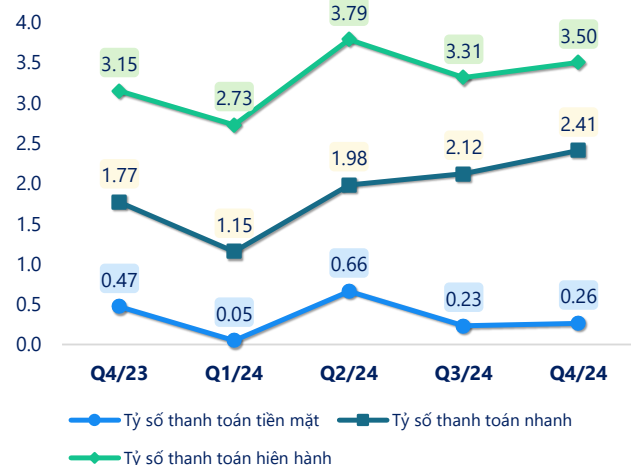
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

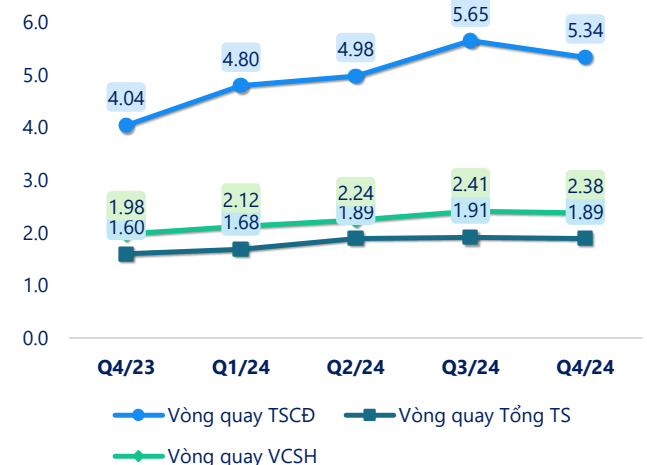
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	297	358	380	410	451
Tài sản ngắn hạn	139	199	225	257	287
Tiền và tương đương tiền	20.7	3.59	39.2	18.2	21.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	10.0	10.0	70.0	85.0
Phải thu ngắn hạn	47.6	55.4	58.0	64.6	82.5
Hàng tồn kho	61.2	115	107	92.3	89.4
Tài sản ngắn hạn khác	9.86	15.2	10.5	11.5	8.37
Tài sản dài hạn	158	158	155	153	164
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	119	116	145	142	146
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	29.8	33.1	0.96	1.01	3.97
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.07	8.89	9.20	10.7	14.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	48.0	76.7	63.0	80.9	105
Nợ ngắn hạn	44.3	73.1	59.4	77.4	81.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	7.81	0	0	20.3
Phải trả người bán ngắn hạn	15.6	28.8	13.3	21.6	18.2
Nợ dài hạn	3.70	3.69	3.59	3.54	23.1
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	249	281	317	329	346
Vốn chủ sở hữu	249	281	317	329	346
Vốn điều lệ	71.5	71.5	71.5	71.5	71.5
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)